



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCL
ngày tháng 04 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Vi sinh**

Medical Testing Laboratory: **Department of Microbiology**

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Nhân dân Gia Định**

Organization: **Nhan Dan Gia Dinh Hospital**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**

Field of medical testing: **Microbiology**

Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Sử Minh Tuyết**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 074**

Hiệu lực công nhận/ Period of Accreditation: Từ ngày /4/2025 đến ngày /4/2030

Địa chỉ/ Address: **số 1, Nơ Trang Long, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**

No. 01, No Trang Long, No. 7 Ward, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

Địa điểm/Location: **số 1, Nơ Trang Long, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**

No. 01, No Trang Long, No. 7 Ward, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: **0283.8412692**

Fax: **02838412700**

Email: **minhtuyetns@yahoo.com**

Web site: **www.bvndgiadinh.org.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 074

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh
Discipline of medical testing: Microbiology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông – nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant -if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết thanh, huyết tương (EDTA) <i>Serum, plasma (EDTA)</i>	Xét nghiệm Anti-HIV Test nhanh <i>Detection of antibodies to HIV 1&2 Rapid test</i>	Sắc ký miễn dịch <i>Immunochromatography</i>	QTMD-C-037 (2024)
2.		Xét nghiệm HIV Ag/Ab Kỹ thuật miễn dịch tự động <i>Detection of antibodies to HIV 1&2 Automated system technique</i>	Điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence immunoassay</i>	QTMD-C-080 (2024) (COBAS e402)
			Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTMD-C-071 (2021) (ALINITY i)
			Enzyme hóa phát quang <i>Chemiluminescence enzyme immunoassay</i>	QTMD-C-061 (2021) (HISCL-5000)
3.		Xét nghiệm HBsAg miễn dịch tự động <i>Detection of HBsAg Automated system technique</i>	Điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence immunoassay</i>	QTMD-C-078 (2024) (COBAS e402)
			Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTMD-C-068 (2021) (ALINITY i)
			Enzyme hóa phát quang <i>Chemiluminescence enzyme immunoassay</i>	QTMD-C-058 (2021) (HISCL-5000)
4.		Xét nghiệm HBeAg miễn dịch tự động <i>Detection of HBeAg Automated system technique</i>	- Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTMD-C-067 (2021) (ALINITY i)
			Enzyme hóa phát quang <i>Chemiluminescence enzyme immunoassay</i>	QTMD-C-057 (2021) (HISCL-5000)
5.		Xét nghiệm Anti HCV miễn dịch tự động <i>Detection of Anti HCV Automated system technique</i>	Điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence immunoassay</i>	QTMD-C-079 (2024) (COBAS e402)
			Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTMD-C-070 (2021) (ALINITY i)
			Enzyme hóa phát quang <i>Chemiluminescence enzyme immunoassay</i>	QTMD-C-060 (2021) (HISCL-5000)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 074

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông – nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant -if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
6.	Huyết thanh, huyết tương (EDTA) Serum, plasma (EDTA)	Xét nghiệm Syphilis miễn dịch tự động <i>Detection of Syphilis Automated system technique</i>	Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTMD-C-074 (2021) (ALINITY i)
			Enzyme hóa phát quang <i>Chemiluminescence enzyme immunoassay</i>	QTMD-C-062 (2021) (HISCL-5000)
7.		Xét nghiệm Toxocara canis IgG miễn dịch tự động <i>Detection of Toxocara canis IgG Automated system technique</i>	ELISA <i>Enzyme linked immunosorbent assay</i>	QTMD-C-048 (2023) (ETIMAX 3000)
8.		Xét nghiệm Strongyloides stercoralis IgG miễn dịch tự động <i>Detection of Strongyloides stercoralis IgG Automated system technique</i>	ELISA <i>Enzyme linked immunosorbent assay</i>	QTMD-C-049 (2023) (ETIMAX 3000)
9.	Mẫu bệnh phẩm Original specimen	Xét nghiệm vi khuẩn AFB <i>Determination of AFB using microscopy</i>	Nhuộm Ziehl Neelsen <i>Ziehl Neelsen staining</i>	QTVK-C-011 (2020)
10.		Xét nghiệm vi khuẩn Gram <i>Determination of Gram stained bacteria using microscopy</i>	Nhuộm Gram <i>Gram staining</i>	QTVK-C-012 (2024)
11.	Máu toàn phần Whole blood	Cấy máu và định danh vi sinh vật <i>Blood culture and identification of organisms</i>	Cấy, Định danh <i>Culture, Identification</i>	QTVK-C-014 (2022) (BACT/ALERT VIRTUO)

Ghi chú/ Note:

- QTMD, QTVK: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory developed method*

- Trường hợp khoa vi cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Microbiology that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*